

Số: 01/2025/QĐST-HNGĐ

Ngày: 21-4-2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓP CỘP, TỈNH SƠN LA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Trung Kiên
- *Thư ký phiên họp:* Bà Tòng Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp tham gia phiên họp:* Ông Dương Văn Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 34/2025/TL-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp số 01/2025/QĐ-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Tòng Văn T, sinh năm 1984, bà Vì Thị D, sinh năm 1989. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản L, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tòng Văn T – Chủ tịch UBND xã P, huyện S, tỉnh Sơn La - Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lò Văn C – Phó Chủ tịch UBND xã P, huyện S, tỉnh Sơn La (Theo giấy uỷ quyền số 71/GUQ-UBND ngày 04/4/2025 của UBND xã P, huyện S). Vắng mặt.

2. Anh Tòng Văn M, sinh năm 2006. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản L, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Chị Tòng Thị Diệp A, sinh ngày 10/11/2010. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản L, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Tòng Thị Diệp A: Ông Tòng Văn T, bà Vì Thị D. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản L, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. (là bố, mẹ

đề). Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật đề ngày 19/3/2025 và quá trình giải quyết việc dân sự cũng như tại phiên họp ông Tòng Văn T và bà Vì Thị D trình bày:

Ông Tòng Văn T và bà Vì Thị D kết hôn với nhau từ năm 2005 do cả hai cùng tự nguyện, không ai bị ép buộc. Ông bà có đi đăng ký kết hôn theo quy định và đã được UBND xã P, huyện S, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/10/2005. Ông bà cũng đã được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán. Do thiếu hiểu biết pháp luật và nói không đúng chuẩn tiếng Việt (do là người dân tộc thiểu số) nên ông T, bà D đã tự ý khai tăng tuổi bà Vì Thị D lên để đăng ký kết hôn. Vì vậy trong giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã P cấp cho ông bà có ghi tên vợ là Vì Thị D, sinh năm 1987 và chồng là Tòng Văn T, sinh năm 1984. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn này, khai sinh của hai con chung của ông bà là Tòng Văn M, sinh ngày 30/9/2006 và Tòng Thị Diệp A, sinh ngày 10/11/2010 đều thể hiện tên mẹ là Tòng Thị D và tên bố là Tòng Văn T. Hiện tại tên theo căn cước công dân của ông bà và các giấy tờ khác có liên quan đều được khai thông nhất là Tòng Văn T, sinh ngày 12/9/1984 có số căn cước: 014084002646 do Cục CSQLHC về TTXH Bộ Công an cấp ngày 12/11/2024 và Vì Thị D, sinh ngày 01/9/1989 có số căn cước công dân: 014189006627 do Cục CSQLHC về TTXH Bộ Công an cấp ngày 21/02/2025. (Bà D đã được khai sinh theo giấy khai sinh gốc là ngày 01/09/1989 tên Vì Thị D).

Để đảm bảo thống nhất trong các giấy tờ tùy thân và giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng, ông T, bà D đề nghị Tòa án xem xét hủy kết hôn trái pháp luật giữa hai vợ chồng và công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà từ khi có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông T, bà D có 02 con chung là các cháu Tòng Văn M, sinh ngày 30/9/2006 và Tòng Thị Diệp A, sinh ngày 10/11/2010. Hiện cháu Tòng Văn M đã trưởng thành và có khả năng lao động, cháu Tòng Thị Diệp A đang đi học, cả hai cháu hiện đang ở cùng ông bà. Ông T, bà D đề nghị Tòa án xem xét công nhận ông, bà là bố mẹ của các cháu theo đúng tên tuổi hiện tại của vợ chồng ông bà là Tòng Văn T, sinh năm 1984 và Vì Thị D, sinh năm 1989.

Ông T, bà D không có đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 25/3/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân xã P, huyện S, tỉnh Sơn La trình bày:

Tại sổ đăng ký kết hôn số thứ tự 28 ngày 14/10/2005 đang lưu giữ tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Sơn La có thể hiện: Họ tên chồng: Tòng Văn T, sinh ngày 12/9/1984, nơi cư trú: Bản L, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. Họ tên vợ: Vì Thị

D, sinh ngày 01/9/1987, nơi cư trú: Bản L, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. Do bà D chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên hai ông bà đã tự ý khai tăng tuổi của bà D từ 01/9/1989 lên 01/9/1987, còn đối với các giấy khai sinh số 280 cấp ngày 03/7/2008 (khai sinh cho cháu Tòng Văn M) và giấy khai sinh số 89 cấp ngày 29/3/2011 (khai sinh cho cháu Tòng Thị Diệp A) đều thể hiện mẹ đẻ của các cháu là Tòng Thị D là do ông Tòng Văn T (bố đẻ của các cháu) đi khai sinh khai mẹ đẻ là Tòng Thị D. Cán bộ tư pháp hộ tịch cũng có sơ suất không kiểm tra đối chiếu lại nên đã đăng ký kết hôn và cấp giấy khai sinh cho các cháu Tòng Văn M và Tòng Thị Diệp A như trên. Căn cứ vào xác nhận thông tin về cư trú, giấy khai sinh số 58/2024 cấp cho bà Vì Thị D và căn cước công dân cấp cho ông Tòng Văn T và bà Vì Thị D hiện tại, UBND xã P xác nhận bà Vì Thị D, sinh ngày 01/9/1987 với bà Vì Thị D, sinh ngày 01/9/1989 là cùng một người.

Xác nhận ông Tòng Văn T và bà Vì Thị D có 02 người con chung là các cháu Tòng Văn M, sinh ngày 30/9/2006 và Tòng Thị Diệp A, sinh ngày 10/11/2010

Nay ông Tòng Văn T và bà Vì Thị D đều có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật do vi phạm tuổi kết hôn và công nhận quan hệ vợ chồng từ thời điểm ông T bà D đủ tuổi kết hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã P, huyện S đề nghị giải quyết vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc..

Tại các bản tự khai và tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòng Văn M và Tòng Thị Diệp A cùng có ý kiến:

Anh Tòng Văn M, sinh ngày 30/9/2006 và chị Tòng Thị Diệp A, sinh ngày 10/11/2010 là con chung của ông Tòng Văn T, sinh năm 1984 và bà Vì Thị D, sinh ngày 01/9/1989. Tuy nhiên trong giấy khai sinh của các anh chị lại thể hiện tên bố mẹ đẻ là Tòng Văn T, sinh năm 1984 và Tòng Thị D, sinh năm 1988. Để đảm bảo thống nhất trong các giấy tờ tùy thân cho các anh chị đề nghị Tòa án công nhận ông Tòng Văn T, sinh ngày 12/9/1984 và bà Vì Thị D, sinh ngày 01/9/1989 là bố mẹ đẻ của các anh chị để anh chị được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho anh chị theo quy định.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ việc:

Căn cứ khoản 1, 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3, Điều 4 và Điều 30 Luật Hộ tịch;

Căn cứ Điều 2, khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông Tòng Văn T và bà Vì Thị D.

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 28 đăng ký ngày 14/10/2005 của Ủy ban nhân dân thị xã P, huyện S, tỉnh Sơn La.

Công nhận quan hệ hôn nhân của ông Tòng Văn T, sinh ngày 12/9/1984 và bà Vì Thị D, sinh ngày 01/9/1989 kể từ ngày 02/9/2007.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Tòng Văn T và bà Vì Thị D: Công nhận ông T, bà D có 02 con chung là cháu Tòng Văn M, sinh ngày 30/9/2006 và chị Tòng Thị Diệp A, sinh ngày 10/11/2010. Ông T, bà D có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho các con chung tại các giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Sơn La cấp số 280, quyển số 02 ngày 03/7/2008 mang tên Tòng Văn M; giấy khai sinh số 89, quyển số 01 ngày 29/3/2011 mang tên Tòng Thị Diệp A.

3. Về lệ phí: Miễn lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông T, bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Tòng Văn T, bà Vì Thị D hiện cư trú tại bản L, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La và việc đăng ký kết hôn của ông bà được thực hiện tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Sơn La nên căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định việc dân sự yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La.

Ủy ban nhân dân xã P, huyện S được Tòa án triệu tập hợp lệ có đề nghị xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Sóp Cộp tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn:

[2.1] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông Tòng Văn T kết hôn với bà Vì Thị D vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và đã được UBND xã P, huyện S, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/10/2005.

Căn cứ căn cước số: 014084002646 do Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp ngày 21/02/2025 và giấy khai sinh số 58/2024, ngày 19/8/2024 cấp cho bà Vì Thị D, sinh ngày 01/9/1989: Xét thấy: Thời điểm ông T, bà D thực hiện đăng ký kết hôn ngày 14/10/2005 bà Vì Thị D mới 16 tuổi 01 tháng 13 ngày chưa đủ tuổi để thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Ông T, bà D thừa nhận việc tự ý khai tăng tuổi bà D lên (sinh năm 1989 thành 1987) để đủ điều kiện đăng ký kết hôn. Do có thiếu sót trong quá trình kiểm tra giấy tờ hộ tịch khi thực hiện đăng ký kết hôn nên UBND xã P, huyện S đã thực hiện đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông T, bà D.

Hiện toàn bộ các giấy tờ tùy thân gồm căn cước công dân, xác nhận thông tin nơi cư trú của ông bà do Công an xã P, huyện S cung cấp thống nhất tên là Tòng Văn T, sinh ngày 12/9/1984 và bà Vì Thị D, sinh ngày 01/9/1989 có quan hệ vợ chồng. UBND xã P, huyện S cũng đã có văn bản xác nhận nội dung sự việc trên. Do vậy, yêu cầu của ông T và D về hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông T và bà D theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 14/10/2005 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật: Sau khi kết hôn ông T, bà D chung sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn và đã có 02 con chung. Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, ông T, bà D đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T, bà D cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định. Xét yêu cầu của ông T, bà D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của Tòng Văn T, sinh ngày 12/9/1984 và bà Vì Thị D, sinh ngày 01/9/1989 kể từ thời điểm bà Diên “đủ 18 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tức là từ ngày 02/9/2007.

Ông T, bà D đều xác nhận trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 02 con chung là các cháu Tòng Văn M, sinh ngày 30/9/2006 và Tòng Thị Diệp A, sinh ngày

10/11/2010. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 14/10/2005 do UBND xã P, huyện S cấp cho hai ông bà nên khai sinh của cả 02 con chung đều thể hiện tên mẹ đẻ là Tòng Thị D, sinh năm 1988 và tên bố đẻ là Tòng Văn T, sinh năm 1984 là do anh T khi đi khai sinh khai nhầm tên họ mẹ Vì Thị D thành Tòng Thị D, sinh năm 1988, UBND xã P có sơ suất không kiểm tra đối chiếu lại nên đã cấp giấy khai sinh cho các cháu Tòng Văn M và Tòng Thị Diệp A như trên. Do tên, tuổi mẹ đẻ không chính xác gây khó khăn trong khi thực hiện các thủ tục hành chính cho các con chung của ông bà trong cuộc sống. Ông bà và các con chung đều có yêu cầu được đính chính lại tên, tuổi mẹ trong giấy khai sinh của các con.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 14/10/2005 do UBND xã P, huyện S cấp cho ông T, bà D bị hủy nên yêu cầu về thay đổi hộ tịch cho các con chung của ông bà là có căn cứ để chấp nhận. Ông T, bà D, cháu M, cháu Diệp A được quyền yêu cầu cơ quan hộ tịch có thẩm quyền thay đổi hộ tịch tại giấy khai sinh số 280 ngày 03/7/2008 mang tên Tòng Văn M; giấy khai sinh số 89 ngày 29/3/2011 mang tên Tòng Thị Diệp A.

[3] Về lệ phí sơ thẩm: Ông Tòng Văn T, bà Vì Thị D là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3, Điều 4 và Điều 30 Luật Hộ tịch;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông Tòng Văn T và bà Vì Thị D.

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 28 đăng ký ngày 14/10/2005 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Sơn La.

Công nhận quan hệ hôn nhân của ông Tòng Văn T, sinh ngày 12/9/1984 và bà Vì Thị D, sinh ngày 01/9/1989 kể từ ngày 02/9/2007.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Tòng Văn T và bà Vì Thị D: Công nhận ông T, bà D có 02 con chung là Tòng Văn M, sinh ngày 30/9/2006 và Tòng Thị Diệp A, sinh ngày 10/11/2010. Ông T, bà D có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho các con chung tại các giấy khai sinh do Ủy ban nhân

dân xã P, huyện S, tỉnh Sơn La cấp số 280, quyền số 02 ngày 03/7/2008 mang tên Tòng Văn M; giấy khai sinh số 89, quyền số 01 ngày 29/3/2011 mang tên Tòng Thị Diệp A.

3. Về lệ phí: Ông Tòng Văn T và bà Vì Thị D được miễn toàn bộ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu ông Tòng Văn T, bà Vì Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòng Văn Mạnh, Tòng Thị Diệp Anh và người đại diện hợp pháp của Tòng Thị Diệp Anh có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Ủy ban nhân dân xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sốp Cộp;
- Chi cục THADS huyện Sốp Cộp;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- UBND xã P;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn,

**TM.HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên